

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Bà Vũ Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08-6-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ AA, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số ZZZ/XX, đường L, thành phố Q Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 13-02-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu Q trình bày:*

Chị và anh Bùi H tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20-7-2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H bạo lực gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên có góp ý hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3-2018 đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau, chị không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là cháu Bùi Thị BN, sinh ngày 11-01-2002; cháu Bùi H, sinh ngày 03-6-2003; cháu Bùi A, sinh ngày 06-6-2011 (hiện cháu H và cháu A đang ở với chị). Cháu N đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi các cháu H và A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. *Tại bản tự khai ngày 18-3-2021, bị đơn anh Bùi H trình bày:* Anh và chị Q tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với lý do chị Q ngoại tình. Anh mong các con lớn lên trong tình thương của cha mẹ nên chưa đồng ý ly hôn với chị Q trong thời gian này.

Anh và chị Q có 03 con chung là cháu Bùi Thị BN, sinh ngày 11-01-2002; cháu Bùi H, sinh ngày 03-6-2003; cháu Bùi A, sinh ngày 06-6-2011 (hiện cháu H và cháu A đang ở với chị Q). Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q thì anh đồng ý giao cháu H và cháu A cho chị Q nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tổng đạt văn bản tố tụng, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Q được ly hôn với anh H; giao cháu Bùi A, sinh ngày 06-6-2011 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con; anh H có quyền thăm nom con chung mà không bị cản trở; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có; chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Q vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Bùi H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Bùi H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 20-7-2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Q và anh H trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh H tuy chưa đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q nhưng không đến hòa giải, không đến phiên tòa, cho thấy anh H không có ý muốn hòa giải đoàn tụ. Từ đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

[2.2] Chị Q và anh H có 03 con chung là cháu Bùi Thị BN, sinh ngày 11-01-2002; cháu Bùi H, sinh ngày 03-6-2003; cháu Bùi A, sinh ngày 06-6-2011 (hiện các cháu H và A đang ở với chị Q). Cháu N đã thành niên, có khả năng lao động, chị Q không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu H, tại thời điểm chị Q khởi kiện chưa đủ 18 tuổi, nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm cháu H đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu A có nguyện vọng được sống với mẹ, bản thân chị Q có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu A. Chị Quyên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn anh Bùi H.
2. Giao cháu Bùi A, sinh ngày 06-6-2011 cho chị Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Bùi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chị Nguyễn Thị Thu Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006806 ngày 03-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh